

BỘ TƯ PHÁP
VỤ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ
XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO
(12/9/2024)

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế

Kính gửi: - Bộ trưởng Nguyễn Hải Ninh;
- Thứ trưởng Trần Tiến Dũng

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế (sau đây gọi tắt là Thông tư). Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật kính trình Bộ trưởng, Thứ trưởng Trần Tiến Dũng dự thảo Thông tư như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Tại điểm 2.3 mục 2 Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 quy định: “Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế, tổ chức làm công tác pháp luật, nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp luật ở các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp”.

Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đề ra nhiệm vụ: “Phát triển nguồn nhân lực pháp luật, hiện đại hóa phương thức, phương tiện xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật. Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế, tổ chức làm công tác pháp luật; nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật”.

Nhằm thể chế hóa các chủ trương trên của Đảng, ngày 18/5/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế. Tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP đã quy định về pháp chế viên và người đứng đầu tổ chức pháp chế, cụ thể:

Thứ nhất, pháp chế viên là công chức pháp chế, được bổ nhiệm vào ngạch pháp chế viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế theo quy định của pháp luật; Ngạch pháp chế viên bao gồm pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp;

Thứ hai, về tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp: các chức danh phải đáp ứng tiêu chuẩn chung: (i) là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan; (ii) có trình độ cử nhân luật trở lên.

Đồng thời, từng chức danh phải đáp ứng tiêu chuẩn riêng:

- Với pháp chế viên có thêm 02 tiêu chuẩn riêng: (i) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế viên và chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; (ii) Có ít nhất hai năm (02 năm) được tính cộng dồn thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II của Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, không kể thời gian tập sự.

- Với pháp chế viên chính, có thêm 03 tiêu chuẩn riêng: (i) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế viên chính và chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; (ii) Có thời gian giữ ngạch pháp chế viên hoặc tương đương tối thiểu là chín năm (09 năm); (iii) Trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch hoặc được xét nâng ngạch từ pháp chế viên lên pháp chế viên chính hoặc được xét chuyển ngạch theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Với pháp chế viên cao cấp có thêm 03 tiêu chuẩn riêng: (i) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế viên cao cấp và chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; (ii) Có thời gian giữ ngạch pháp chế viên chính hoặc tương đương tối thiểu là sáu năm (06 năm); (iii) Trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch hoặc được xét nâng ngạch từ pháp chế viên chính lên pháp chế viên cao cấp hoặc được xét chuyển ngạch theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Thứ ba, về tiêu chuẩn của người đứng đầu tổ chức pháp chế quy định, quy định theo hướng giảm bớt các tiêu chuẩn cho người đứng đầu tổ chức pháp chế trong trường hợp điều động, luân chuyển để phù hợp với quy định về điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, cụ thể:

Người đứng đầu Vụ, Cục hoặc Ban thực hiện công tác pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng cục và tương đương phải đáp ứng các tiêu chuẩn: (i) Các tiêu chuẩn chung theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước (Chương II Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước); (ii) Các tiêu chuẩn của pháp chế viên; (iii) Đã được bổ nhiệm ngạch pháp chế viên trở lên; (iv) Trường hợp là pháp chế viên, sau khi bổ nhiệm vào ngạch phải có ít nhất 03 (ba) năm được tính cộng dồn thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II của Nghị định số 56/2024/NĐ-CP.

Người đứng đầu Phòng hoặc tương đương thực hiện công tác pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng cục và tương đương, Cục và cũng phải bảo đảm các tiêu chuẩn (i), (ii), (iii) như người đứng đầu Vụ, Cục hoặc Ban thực hiện công tác pháp chế. Tuy nhiên, tại điều kiện (iv), trong trường hợp là pháp chế viên thì sau khi bổ nhiệm vào ngạch chỉ yêu cầu ít nhất 01 (một) năm được tính cộng dồn thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II của Nghị định số 56/2024/NĐ-CP.

Trường hợp luân chuyển, điều động người đứng đầu tổ chức, đơn vị khác sang giữ vị trí người đứng đầu tổ chức pháp chế, người được điều động, luân chuyển phải đáp ứng các tiêu chuẩn: (i) Các tiêu chuẩn chung theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước (Chương II Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước); (ii) Có trình độ cử nhân luật trở lên và có ít nhất 03 (ba) năm được tính cộng dồn thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn của công tác pháp chế hoặc có có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày được luân chuyển, điều động nếu chưa có trình độ cử nhân luật.

Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP quy định: “*Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.*”.

Nhằm hướng dẫn Luật Cán bộ, công chức năm 2008¹ (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), khoản 6 Điều 73 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức đã quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ: “*Quy định mã số, tiêu chuẩn*

¹ Khoản 2 Điều 67: Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước về công chức theo phân công, phân cấp của Chính phủ.

chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ”.

Do đó, việc ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế là cần thiết nhằm cụ thể hóa khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc quản lý và sử dụng người làm công tác pháp chế, bảo đảm quyền lợi cho người làm công tác pháp chế; tiêu chuẩn hóa người làm công tác pháp chế theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng và góp phần bảo đảm ổn định nguồn cán bộ cho công tác pháp chế, nâng cao chất lượng công tác pháp chế, xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích

- Bảo đảm triển khai thi hành Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Nghị định số 56/2024/NĐ-CP;
- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý, sử dụng các ngạch pháp chế.

2. Quan điểm

- Bảo đảm phù hợp, thống nhất với Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Nghị định số 56/2024/NĐ-CP;
- Bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện Thông tư; phân cấp, pháp quyền, đơn giản hóa thủ tục trong việc quản lý, sử dụng các ngạch pháp chế.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế, gồm pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với: (i) Công chức các ngạch pháp chế tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban

nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); (ii) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (iii) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật đã tham mưu cho Lãnh đạo Bộ triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu các nội dung, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới nội dung dự thảo Thông tư trong quá trình xây dựng Nghị định số 56/2024/NĐ-CP;

2. Xin chủ trương Lãnh đạo Bộ về chủ trương xây dựng Thông tư và thành lập Tổ soạn thảo Thông tư và đã được Lãnh đạo Bộ nhất trí tại Phiếu trình ngày 19/6/2024;

3. Trên cơ sở công văn cử người của các đơn vị, bộ, ngành, địa phương, đã thành lập Tổ soạn thảo Thông tư (Quyết định số 1539/QĐ-BTP ngày 13/08/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);

4. Đăng tải công khai dự thảo lên website của Chính phủ và Bộ Tư pháp;

5. Lấy ý kiến các đối tượng tác động, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tại Hội thảo ngày.../.../2024, Hội thảo ngày.../.../2024, qua Công văn số .../BTP-VĐCXDPL ngày.../.../2024; Tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Thông tư và các tài liệu trong hồ sơ xây dựng Thông tư;

6. Phối hợp tổ chức thẩm định Thông tư ngày.../.../2024 và Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số... ngày.../.../2024;

7. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Thông tư và các tài liệu trong hồ sơ xây dựng Thông tư, trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Thông tư gồm 04 Chương, 10 Điều, cụ thể:

- Chương I. Những quy định chung gồm 04 điều (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; mã số và ngạch pháp chế viên; tiêu chuẩn chung;

- Chương II. Tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế gồm 04 Điều (từ Điều 5 đến Điều 8) quy định về ngạch pháp chế viên; ngạch pháp chế viên chính; ngạch pháp chế viên cao cấp; xếp lương đối

với các ngạch pháp chế.

- Chương III. Hiệu lực thi hành gồm 02 Điều (Điều 9 và Điều 10) quy định về tổ chức thực hiện; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

a) Về các quy định chung (Chương I)

Ngoài quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1), mã số và các ngạch pháp chế (Điều 3), tiêu chuẩn chung các ngạch pháp chế (Điều 4), dự thảo Thông tư còn có một điều riêng về giải thích từ ngữ (Điều 2) có nội dung: (i) Hướng dẫn cụ thể một số từ ngữ, khái niệm được sử dụng trong Nghị định số 56/2024/NĐ-CP đang quy định chưa rõ ràng, sẽ gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện như: “Thời gian thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn của công tác pháp chế”; “Văn bản xác định thời gian thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn của công tác pháp chế”; “Văn bản xác định thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II của Nghị định 56/2024/NĐ-CP”; (ii) Giải thích cụm từ “Ngạch, hạng tương đương với các ngạch pháp chế” được quy định lặp đi lặp lại nhiều lần trong dự thảo Thông tư để thống nhất áp dụng. Thực tiễn theo dõi việc triển khai các Thông tư của Bộ Tư pháp quy định về các ngạch công chức thi hành án, thanh tra, các hạng viên chức trợ giúp viên pháp lý, công chứng viên, đấu giá viên, quản tài viên, thừa phát lại... cũng hay gặp phải các vướng mắc tương tự khi triển khai thực hiện nếu không có các quy định giải thích, hướng dẫn cụ thể nêu trên.

b) Về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ các ngạch pháp chế (Chương II)

Tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ các ngạch pháp chế trong dự thảo Thông tư nhằm cụ thể hóa tiêu chuẩn người làm công tác pháp chế theo hướng chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Trên cơ sở quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, dự thảo Thông tư quy định 03 ngạch pháp chế: pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp với các tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ được sắp xếp theo mức độ tăng dần, tính chất phức tạp về các mặt: chức trách; nhiệm vụ; tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; kinh nghiệm công tác.

- Về ngạch pháp chế viên (Điều 5):

Pháp chế viên thực hiện 03 nhóm chức trách: (i) Tham mưu, tham gia nghiên cứu, tham mưu, tổng hợp, thẩm định, hoạch định chiến lược, quy hoạch,

kế hoạch, chính sách; (ii) Tham gia xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, dự án, đề án về pháp chế; (iii) Tổ chức, tham gia triển khai thực thi các nhiệm vụ chuyên môn theo mảng công việc được phân công và theo quy định của pháp luật.

Pháp chế viên thực hiện 02 nhóm nhiệm vụ: (i) Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II Nghị định số 56/2024/NĐ-CP; (ii) Các nhiệm vụ theo vị trí việc làm pháp chế viên tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về vị trí việc làm.

Pháp chế viên bảo đảm 07 nhóm tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ: (i) Hiểu và có khả năng vận dụng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan, văn bản của cấp trên trong công tác pháp chế; (ii) Có kiến thức, hiểu biết về các lĩnh vực pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến công tác pháp chế và có khả năng áp dụng các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; (iii) Có khả năng soạn thảo, góp ý, thẩm định các văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao; (iv) Tham gia nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm và thực tiễn công tác pháp chế; (v) Có năng lực hướng dẫn áp dụng pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ cho chuyên viên pháp chế, viên chức pháp chế, nhân viên pháp chế tại các đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (vi) Có khả năng phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao; (vii) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và trình độ ngoại ngữ theo vị trí việc làm.

Pháp chế viên bảo đảm 03 tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: (i) Có trình độ cử nhân luật trở lên (có bằng đại học trở lên chuyên ngành luật); (ii) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế viên do Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp cấp; (iii) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương.

Về kinh nghiệm, người dự thi vào ngạch pháp chế viên phải có ít nhất 02 năm (đủ 24 tháng) được tính cộng dồn thực hiện một trong các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Chương II của Nghị định số 56/2024/NĐ-CP không kể thời gian tập sự. Tiêu chuẩn về kinh nghiệm cụ thể hóa tiêu chuẩn bổ nhiệm pháp chế viên tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP; phù hợp với quy định tại Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP; bảo đảm tương thích với tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính, một số ngạch công chức chuyên ngành có tính chất tương đương (ví dụ: công chức chuyên ngành thi hành án dân sự).

- Về ngạch pháp chế viên chính (Điều 6):

Pháp chế viên chính thực hiện 03 nhóm chức trách như ngạch pháp chế viên, tuy nhiên ở mức độ khó hơn, phức tạp hơn là “chủ trì” thực hiện các nhiệm vụ bên cạnh các chức trách “tham gia” thực hiện các nhiệm vụ như pháp chế viên.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định chung tại Chương II Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, pháp chế viên chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của pháp chế viên chính theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Pháp chế viên chính cũng bảo đảm 07 nhóm tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như pháp chế viên, tuy nhiên theo hướng khó hơn và phức tạp hơn: “hiểu rõ và vận dụng thành thạo” các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; “có kiến thức, hiểu biết tốt” về các lĩnh vực pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến công tác pháp chế vận dụng thành thạo vào công tác; “thành thạo việc soạn thảo, góp ý, thẩm định văn bản”; khả năng nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm, thực tiễn độc lập; năng lực hướng dẫn áp dụng pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ cho chuyên viên pháp chế, viên chức pháp chế, nhân viên pháp chế...

Ngoài tiêu chuẩn về trình độ cử nhân trở lên như pháp chế viên, pháp chế viên chính yêu cầu các chứng chỉ riêng của ngạch pháp chế viên chính: Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế viên chính; Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương.

Về kinh nghiệm, người dự thi nâng ngạch từ pháp chế viên lên pháp chế viên chính thì ngoài các tiêu chuẩn về chung tại Điều 6 Thông tư và khoản 3 Điều 30 Nghị định 138/2020/NĐ-CP còn phải đáp ứng điều kiện: (i) Có thời gian giữ ngạch pháp chế viên hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm (đủ 108 tháng), trường hợp giữ ngạch tương đương với ngạch pháp chế viên thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch pháp chế viên; (ii) Trong thời gian giữ ngạch pháp chế viên tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học đã được ban hành hoặc nghiệm thu hoặc đã chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện ít nhất 01 sáng kiến trong phạm vi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Về ngạch pháp chế viên cao cấp (Điều 7):

Pháp chế viên cao cấp thực hiện 03 nhóm chức trách như ngạch pháp chế viên, pháp chế viên chính tuy nhiên ở mức độ khó hơn, phức tạp hơn là “chủ trì” thực hiện các nhiệm vụ.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định chung tại Chương II Nghị định

số 56/2024/NĐ-CP, pháp chế viên cao cấp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của pháp chế viên cao cấp theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Pháp chế viên cao cấp cũng bảo đảm 07 nhóm tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như pháp chế viên, pháp chế viên chính, tuy nhiên theo hướng có độ khó hơn và phức tạp hơn, mang tầm tư duy chiến lược, quản lý: “am hiểu sâu sắc và vận dụng thành thạo” các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội; nắm vững tình hình và xu thế phát triển của công tác pháp chế trong nước và thế giới; “hiểu biết sâu sắc” về các lĩnh vực pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến công tác pháp chế và “áp dụng rất thành thạo” các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; “là chuyên gia” trong soạn thảo, góp ý, thẩm định văn bản”; “tổ chức nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm, thực tiễn”; có năng lực hướng dẫn áp dụng pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ cho pháp chế viên chính, pháp chế viên và người làm công tác pháp chế khác...

Ngoài tiêu chuẩn về trình độ cử nhân trở lên như pháp chế viên, pháp chế viên cao yêu cầu các chứng chỉ riêng của ngạch pháp chế viên chính: Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế viên cao cấp; Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

Về kinh nghiệm, người dự thi nâng ngạch từ pháp chế viên chính lên pháp chế viên cao cấp thì ngoài các tiêu chuẩn chung tại Điều 6 Thông tư và khoản 3 Điều 30 Nghị định 138/2020/NĐ-CP còn phải đáp ứng điều kiện: (i) Có thời gian giữ ngạch pháp chế viên chính hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm (đủ 60 tháng). Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương với ngạch pháp chế viên chính thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch pháp chế viên chính; (ii) Trong thời gian giữ ngạch pháp chế viên chính hoặc tương đương tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 02 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học đã được ban hành hoặc nghiệm thu hoặc đã chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện ít nhất 02 sáng kiến trong phạm vi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tiêu chuẩn trên cụ thể hóa tiêu chuẩn bổ nhiệm pháp chế viên tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP và phù hợp với quy định tại Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP. Tiêu chuẩn về kinh nghiệm cụ thể hóa tiêu chuẩn bổ nhiệm pháp chế viên tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP; phù hợp với quy định tại Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-C; bảo đảm tương thích với tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính, một số ngạch công chức chuyên ngành có tính chất tương đương (ví dụ: công chức chuyên ngành thi hành án dân sự).

c) Về xếp lương đối với các ngạch pháp chế (Điều 8)

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012, Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21/7/2016), công chức các ngạch pháp chế được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong cơ quan Nhà nước: (i) Ngạch pháp chế viên áp dụng bảng lương công chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98; (ii) Ngạch pháp chế viên chính áp dụng bảng lương công chức loại A2, nhóm A..., từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78; (iii) Ngạch pháp chế viên cao cấp áp dụng bảng lương công chức loại A3, nhóm A..., từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00.

Trên cơ sở quy định về mã ngạch pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp tại Thông tư, Bộ Tư pháp sẽ đề xuất Bộ Nội vụ đề xuất Chính phủ bổ sung pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp vào Bảng 2 - Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong cơ quan Nhà nước tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP. Công chức sau khi được chuyển ngạch vào các ngạch pháp chế theo quy định tại Nghị định số 56/2024/NĐ-CP và Thông tư này được xếp lương theo Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

d) Điều khoản thi hành (Chương IV)

Chương IV dự thảo Thông tư gồm 02 điều quy định về: (i) Tổ chức thực hiện (Điều 09), trong đó có quy định nội dung Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP và Thông tư này, hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn chức danh pháp chế trong quân đội nhân dân và công an nhân dân; (ii) Hiệu lực và trách nhiệm thi hành (Điều 10), trong đó có quy định hiệu lực thi hành của Thông tư; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng Cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý và sử dụng đối với các ngạch pháp chế viên theo Thông tư này.

VI. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI; DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

1. Dự thảo Thông tư không làm phát sinh các thủ tục phải đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ

sung bởi được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).

2. Nội dung dự thảo Thông tư mang tính chất trung tính, bảo đảm lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Việc ban hành Thông tư liên quan tới việc quản lý và sử dụng các ngạch pháp chế là các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền thực hiện của bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, do đó không làm phát sinh nguồn lực, tổ chức bộ máy trong việc triển khai thực hiện Thông tư.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế, xin kính trình Bộ trưởng, Thủ trưởng xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PC _(Pha).

VỤ TRƯỞNG

Trần Anh Đức